

Loại kinh tế nhất

- Cài đặt đơn giản, dùng các phím DIP và phím xoay
- Đầu vào đa dạng (multi inputs)
- Màn hiển thị số dễ nhìn với chiều cao ký tự 13.5 mm.
- Có loại vỏ đen hoặc ghi sáng



NEW

Thông tin đặt hàng

▪ Giải thích số model

E5CSZ- X X X X - X
1 2 3 4 5

1. Kiểu đầu ra

R: Role
Q: Điện áp (dùng Role bán dẫn)

2. Số đầu cảnh báo

Để trống: Không cảnh báo
1: 1 cảnh báo

3. Kiểu đầu vào

T: Cặp nhiệt/ Trờ kháng bạch kim (đa đầu vào)

4. Điện áp nguồn

Để trống: 100 đến 240 VAC
D: 24 VAC/VDC

5. Màu của vỏ

Để trống: Ghi sáng
B: Màu đen

Chú thích: Giải thích số Model trên đây chỉ để minh họa cách chọn. Khi chọn không nhất thiết phải chọn tất cả các yếu tố trên. Xem cách lựa chọn Model để biết thêm chi tiết.

▪ Các model lựa chọn

Kích thước	Điện áp nguồn	Số điểm cảnh báo	Đầu ra điều khiển	Đầu vào cặp nhiệt/ trở kháng bạch kim Vỏ màu ghi sáng
1/16 DIN 48x48x78 mm (Rộng x Cao x Dài)	100 đến 240 VAC	0	Role	E5CSZ-RT
			Điện áp (dùng rơ le bán dẫn)	E5CSZ-QT
		1	Role	E5CSZ-R1T
			Điện áp (dùng rơ le bán dẫn)	E5CSZ-Q1T
	24 VAC/VDC	0	Role	E5CSZ-RTD
			Điện áp (dùng rơ le bán dẫn)	E5CSZ-QTD
1	Role	E5CSZ-R1TD		
	Điện áp (dùng rơ le bán dẫn)	E5CSZ-Q1TD		

Chú thích: Thêm chữ "B" vào cuối Model nếu chọn loại vỏ màu đen

▪ Các phụ kiện (đặt hàng riêng)

Kiểu	Model
Vỏ đầu nổi	E53-COV10
Vỏ bảo vệ cứng	Y92A-48B

Đặc tính kỹ thuật

■ Các thông số định mức

Điện áp cấp	110/220 VAC, 50/60Hz	24 VAC/VDC, 50/60 Hz
Dải điện áp hoạt động	85% tới 110% điện áp cấp định mức	
Công suất tiêu thụ điện	5 VA	3 VA/ 2W
Đầu vào sensor	Kiểu đa đầu vào (cặp nhiệt/ nhiệt điện trở bạch kim): K (từ -99 tới 1300 °C), J, L, Pt100 (-99 tới 850 °C)	
Đầu ra điều khiển	Đầu ra rơle	SPST-NO; 250 VAC ; 3A (tải điện trở)
	Đầu ra điện áp (dùng với rơ le bán dẫn)	12 VDC, 21 mA (có bảo vệ chống ngắn mạch)
Chế độ điều khiển	Điều khiển ON/OFF hoặc 2-PID (tự động chỉnh)	
Đầu ra cảnh báo	SPST-NO; 250 VAC, 1A (tải điện trở)	
Phương pháp thiết lập	Thiết lập hiển thị số qua các phím ở mặt trước của đồng hồ	
Phương pháp hiển thị	3.5 chữ số, màn hiển thị số 7 thanh (chiều cao ký tự: 13.5 mm) và các hiển thị độ lệch	
Các chức năng khác	Chống thay đổi các setting (bảo vệ phím); Dịch chuyển đầu vào Thay đổi đơn vị nhiệt độ (°C/°F); Chuyển đổi dải nhiệt độ, đầu vào cảm biến (K/J/L, Pt100) Chuyển giữa các đầu vào cặp nhiệt và đầu vào nhiệt điện trở bạch kim Chuyển chu kỳ điều khiển; Đầu ra cảnh báo 8 chế độ; Phát hiện lỗi cảm biến nhiệt	
Nhiệt độ bên ngoài	-10 đến 55°C (không tụ hơi hoặc đóng băng)	
Độ ẩm bên ngoài	25% đến 85%	
Nhiệt độ cất giữ	-25 đến 65°C (không tụ hơi hoặc đóng băng)	

■ Các đặc tính kỹ thuật

Độ chính xác của phép đặt	± 0,5% giá trị hiển thị hoặc ± 1°C, tùy giá trị nào lớn hơn ± tối đa 1 chữ số.
Độ chính xác hiển thị (nhiệt độ bên ngoài 23°C)	
Ảnh hưởng của nhiệt độ	Các đầu vào cặp nhiệt (±1% giá trị hiện tại hoặc ±4°C, tùy giá trị nào lớn hơn) ± tối đa 1 chữ số
Ảnh hưởng của điện áp	Các đầu vào nhiệt điện trở bạch kim: (±1% giá trị hiện tại hoặc ±2°C, tùy giá trị nào lớn hơn) ± tối đa 1 chữ số
Thông số trễ (cho điều khiển ON/OFF)	0,2% toàn dải với các model đa đầu vào
Dải tỉ lệ (thông số P)	1 đến 999°C (chỉnh tự động hoặc tự chỉnh)
Thời gian tích phân (I)	1 đến 1,999s (chỉnh tự động hoặc tự chỉnh)
Thời gian vi phân (D)	1 đến 1,999s (chỉnh tự động hoặc tự chỉnh)
Phạm vi đặt báo động đầu ra	Giá trị cảnh báo tuyệt đối: Giống dải điều khiển Khác: 0% đến 100% của toàn dải Độ trễ cảnh báo: 0.2°C hoặc °F (cố định)
Chu kỳ điều khiển	2 giây / 20 giây
Thời gian lấy mẫu	500 ms
Trở kháng cách điện	Tối thiểu 20MΩ (ở 500 VDC)
Cường độ điện môi	2.000 VAC, 50/60 Hz trong 1 phút giữa các đầu nối điện khác cực tính.
Tuổi thọ dự tính	Điện: tối thiểu 100.000 (các model đầu ra rơle)
Bảo vệ bộ nhớ	EEPROM (bộ nhớ tự lưu), Số lần ghi: 100.000 lần
Trọng lượng	Khoảng 120g